CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đại Thiên Lộc

Ngày 30/06/2025	9,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-8.9%**	-

DT thuần
Q2/25
605
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 223| 58.4%
YoY: ▲ 198| 48.6%

LN thuần
Q2/25
-41.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.7| -66.6%
YoY: ▼17.6| -72.8%

LN sau thuế
Q2/25
-37.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.30| -24.0%
YoY: ▼67.2| -230%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
50.4%
YoY: +/-▲ 54.2%

ROE (TTM)
Q2/25
-9.2%
YoY: +/-▼ 9.3%

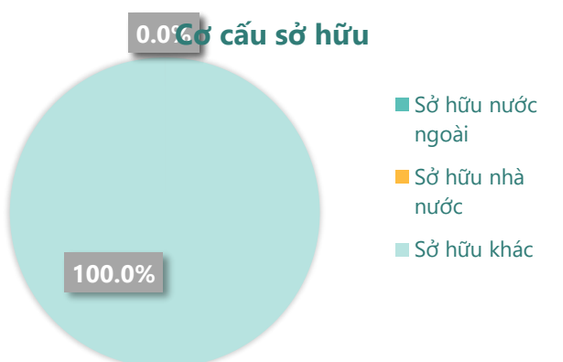
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,250 - 14,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	561
Số lượng CPLH (CP)	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.39
EPS	-1,101
P/E	-8.4

DT thuần
6T 2025
986
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 209| 26.9%

LN thuần
6T 2025
-66.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.7| -38.9%

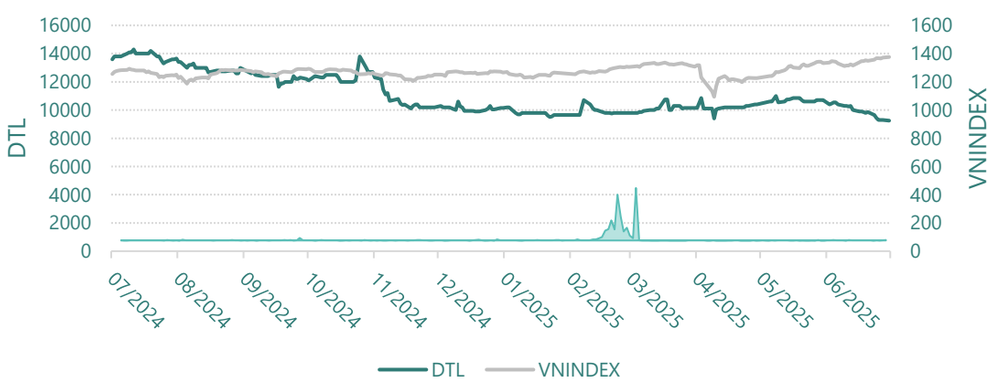
LN sau thuế
6T 2025
-68.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼72.9| -1653%

Cơ cấu sở hữu

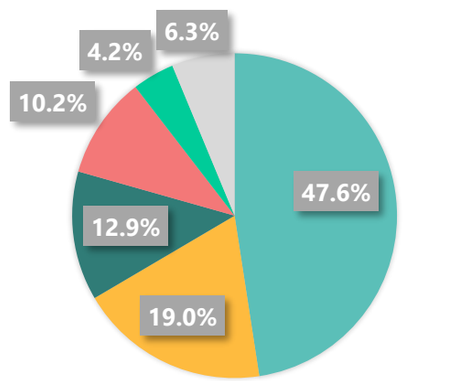


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



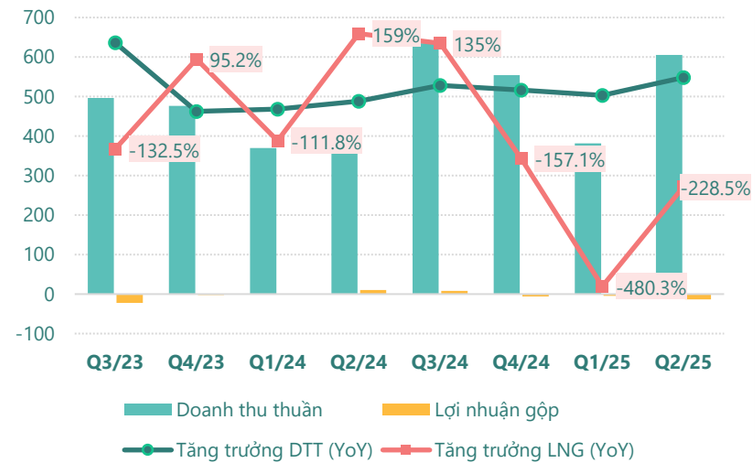
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

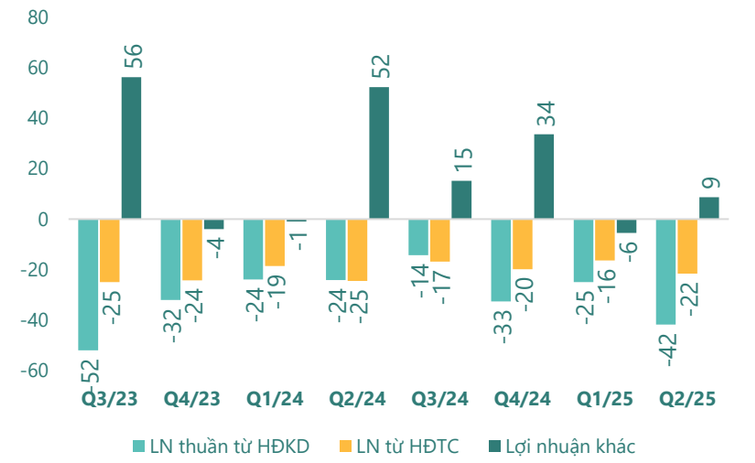
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



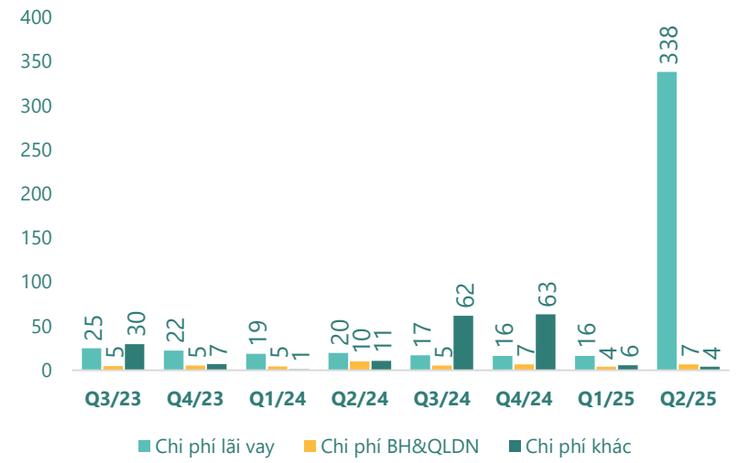
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



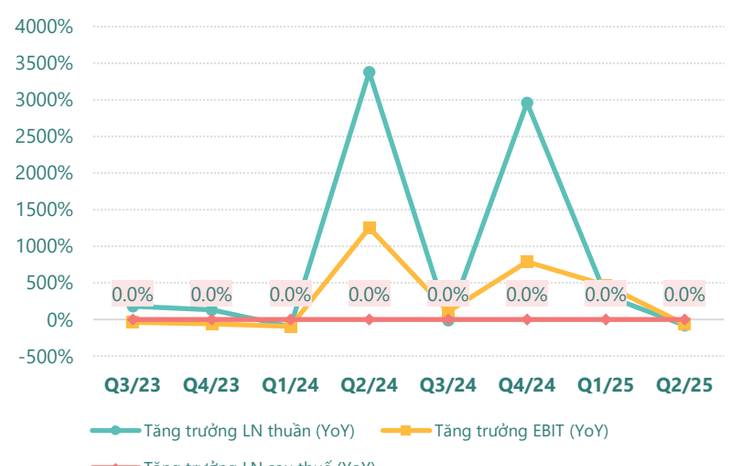
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



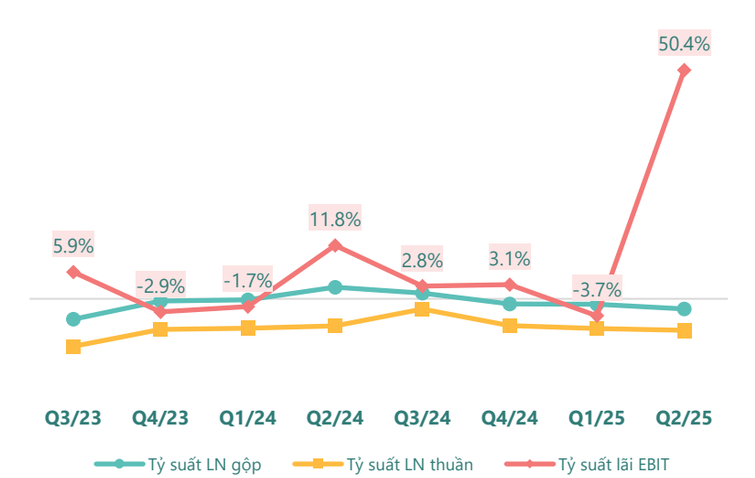
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



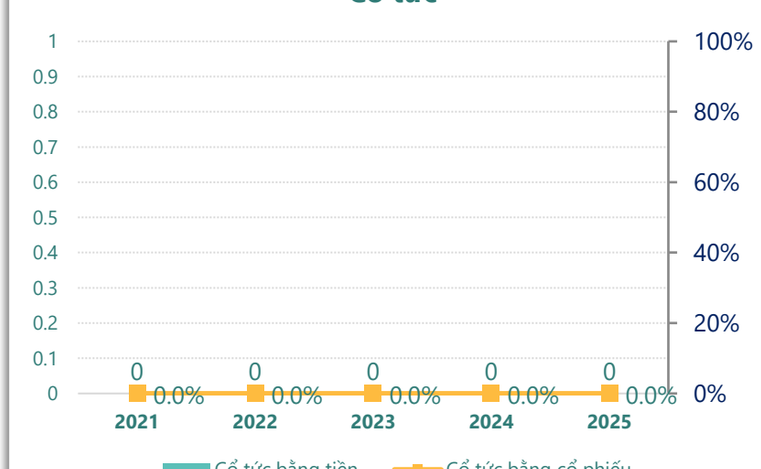
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

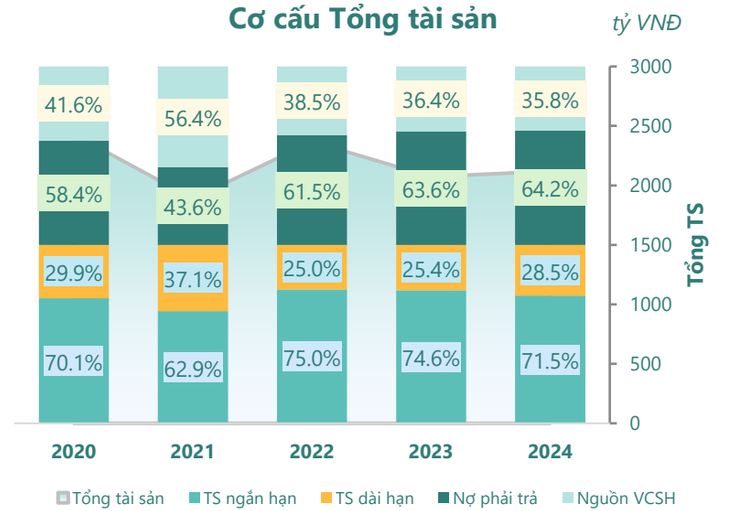
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

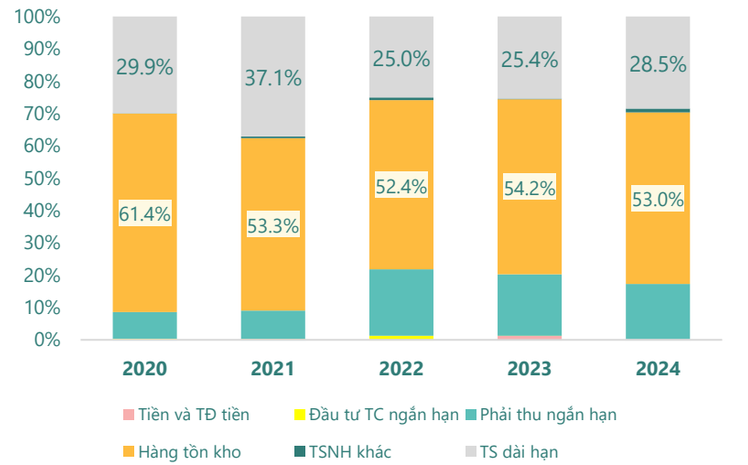
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



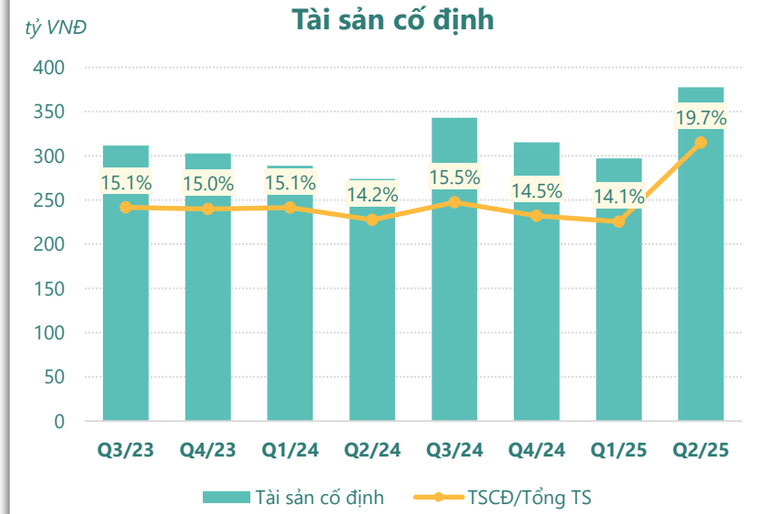
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



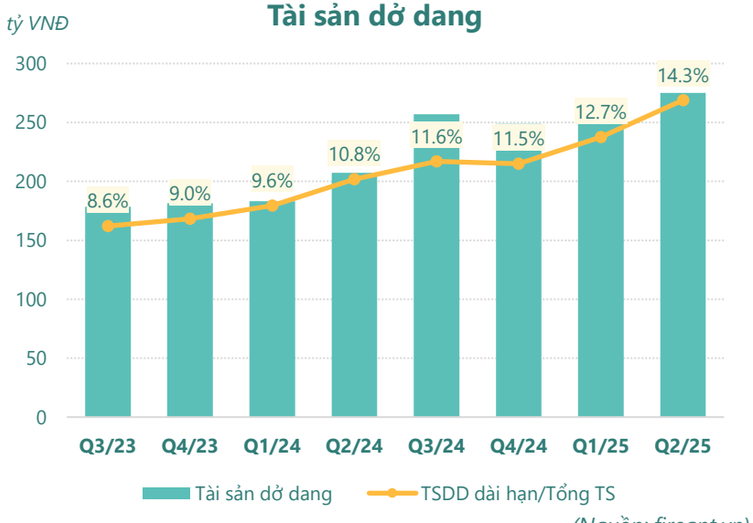
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



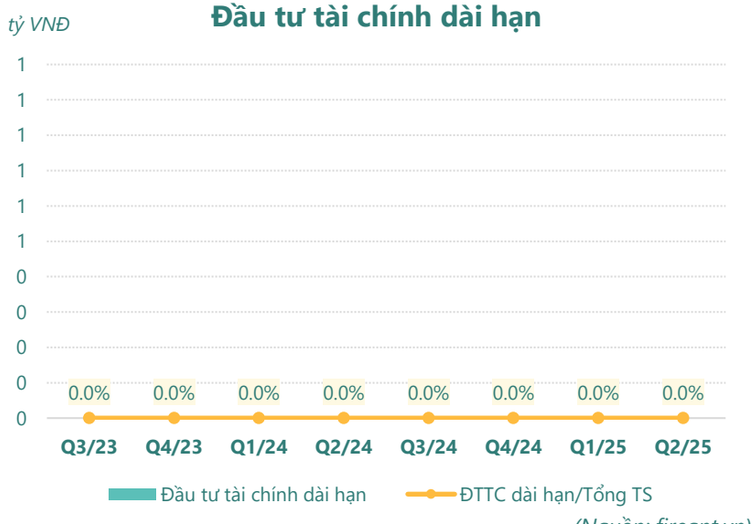
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



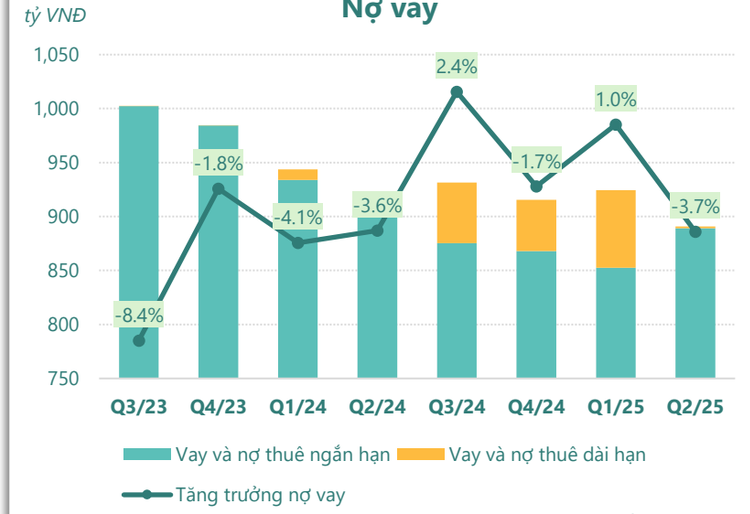
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

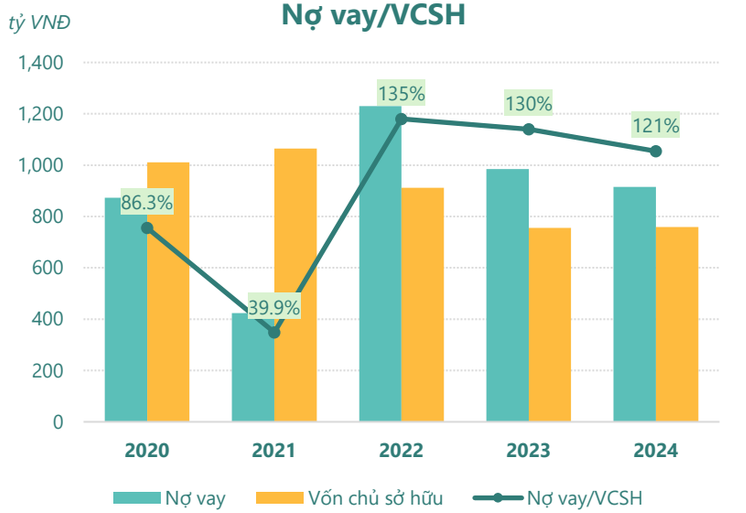
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

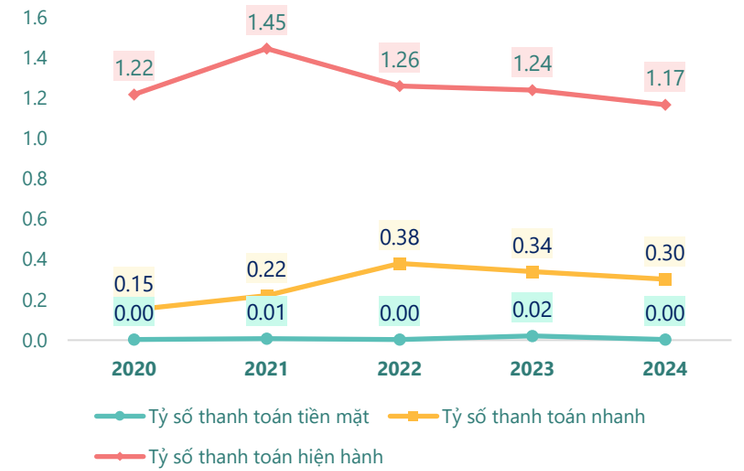
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



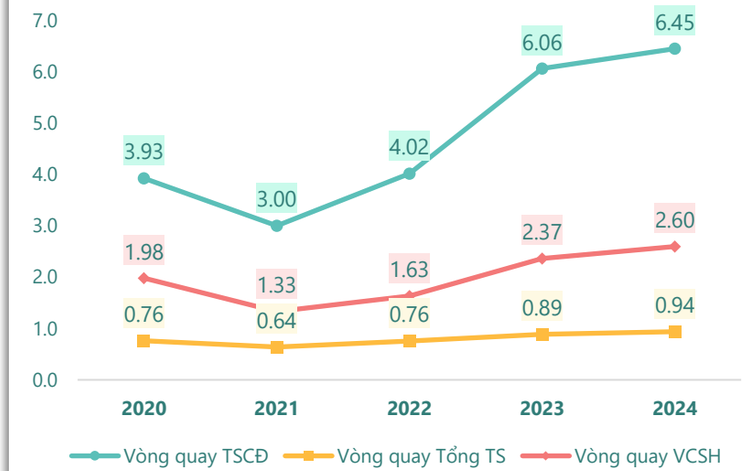
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



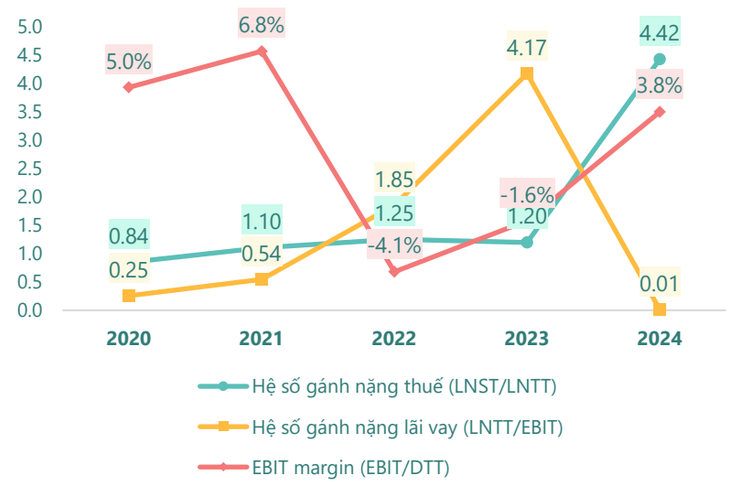
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



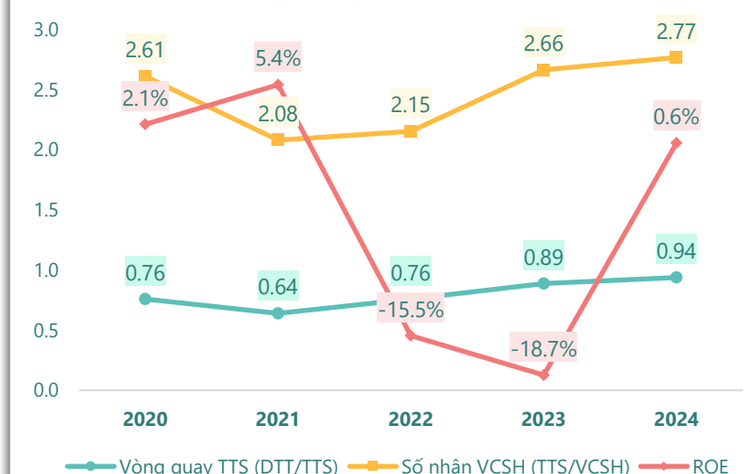
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



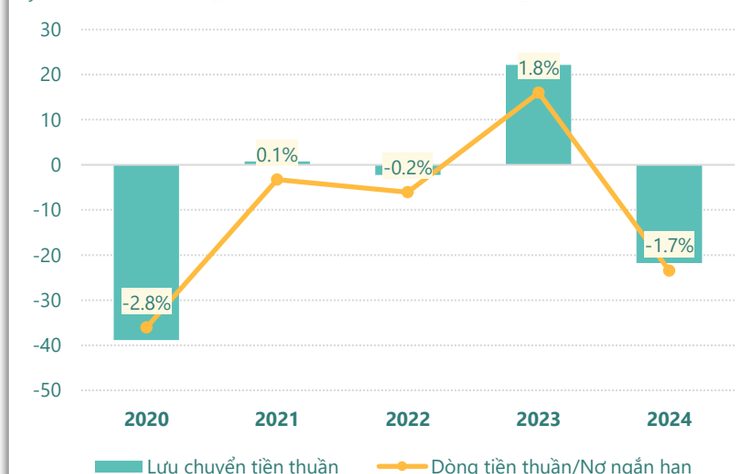
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**605**	**407**	**48.6%**	**986**	**777**	**26.9%**
Giá vốn hàng bán	618	397	55.8%	1,004	768	30.9%
Lợi nhuận gộp	-13.4	10.4	-229%	-17.9	9.65	-285%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.07	-99.4%	0.00	0.07	-98.9%
Chi phí TC	21.7	24.7	-12.3%	38.1	43.3	-12.0%
Chi phí lãi vay	338	19.7	1617%	355	38.4	823%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.88	0.99	-11.3%	1.31	1.50	-12.4%
Chi phí QLDN	**5.89**	**9.06**	**-35.0%**	**9.57**	**13.1**	**-26.7%**
LN thuần từ HĐKD	-41.8	-24.2	-72.8%	-66.9	-48.2	-38.9%
Lợi nhuận khác	**8.72**	**52.4**	**-83.4%**	**3.18**	**51.4**	**-93.8%**
LN trước thuế	-33.1	28.2	-217%	-63.7	3.29	-2038%
Lợi nhuận sau thuế	**-37.9**	**29.3**	**-230%**	**-68.5**	**4.41**	**-1653%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-37.9**	**29.3**	**-230%**	**-68.5**	**4.41**	**-1653%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.4	-22.6	103	-82.8	1.69	49.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.54	42.1	-126	103	-8.32	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.3	-35.4	25.9	-14.4	10.3	-35.2
Tiền đầu kỳ	26.0	17.5	1.89	2.23	4.18	7.67
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.46**	**-16.0**	**2.28**	**5.50**	**3.63**	**-5.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	-1.65	-3.47	-0.13	0.15
Tiền cuối kỳ	17.5	1.89	2.23	4.26	7.67	2.32

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,918**	**2,120**	**-9.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,219	1,516	-19.6%
Tiền và tương đương tiền	2.32	4.51	-48.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	310	363	-14.6%
Hàng tồn kho	875	1,124	-22.2%
Tài sản ngắn hạn khác	31.3	24.4	28.4%
Tài sản dài hạn	**700**	**604**	**15.9%**
Phải thu dài hạn	2.15	2.15	0.0%
Tài sản cố định	378	306	23.5%
Bất động sản đầu tư	9.17	9.58	-4.3%
Tài sản dở dang	275	249	10.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**35.6**	**37.4**	**-4.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,227	1,360	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**1,164**	**1,299**	**-10.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	889	911	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	136	280	-51.4%
Nợ dài hạn	63.7	61.6	3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.38	4.15	-66.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**691**	**759**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**691**	**759**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	614	614	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)